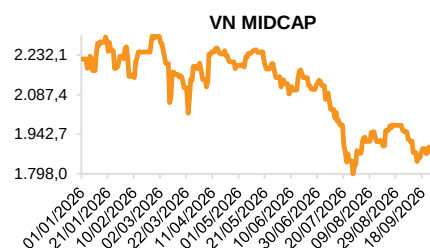
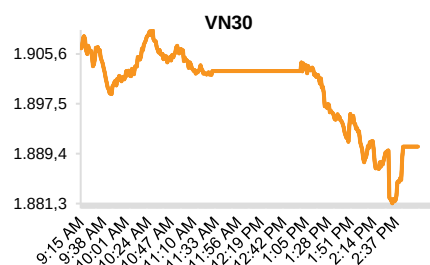
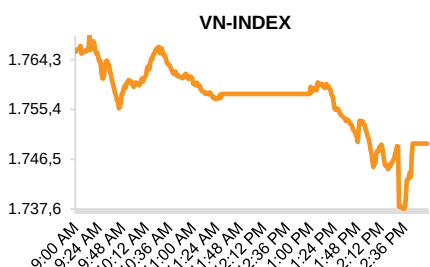


KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn



Hình 1: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.749,3	268,7	126,5
1 ngày (%)	-1,1	-1,1	0,2
1 tháng (%)	-4,5	-5,7	-0,8
Từ 2026	-2,0	8,0	4,6
1 năm (%)	5,1	-1,7	15,2
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	328	16	26
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)	0,6	0,6	0,5
Số mã tăng	110	46	100
Số mã giảm	177	70	119
Số mã tham chiếu	118	177	511

Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Thị trường chứng khoán

VN-Index giảm 1,1%, khối ngoại duy trì bán ròng

Phiên giao dịch ngày 01/10/2026 ghi nhận VN-Index giảm 19,3 điểm (-1,1%) xuống 1.749,3 điểm. Áp lực bán duy trì trong phần lớn phiên và gia tăng vào buổi chiều, trong đó VIC giảm 3,5% và là lực cản lớn nhất đối với chỉ số. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 103 mã tăng, trong đó bảy mã tăng trần, 76 mã đứng giá và 172 mã giảm, gồm năm mã giảm sàn. HNX-Index giảm 3,0 điểm (-1,1%) xuống 268,7 điểm.

VN30 giảm 16,2 điểm (-0,9%) xuống 1.890,6 điểm, với tám mã tăng, hai mã đứng giá và 20 mã giảm. VN100 giảm 16,8 điểm (-0,9%) xuống 1.790,1 điểm, với 29 mã tăng, 16 mã đứng giá và 53 mã giảm.

Xét theo ngành, 6/19 ngành tăng điểm, trong khi 13 ngành giảm. Bất động sản giảm mạnh nhất 2,3%, tiếp theo là Hóa chất (-0,9%), Xây dựng & Vật liệu (-0,9%), Công nghệ (-0,9%) và Ngân hàng (-0,8%). Ở chiều ngược lại, Tài nguyên tăng 0,9%, Y tế tăng 0,7%, Dầu khí tăng 0,7%, Thực phẩm & Đồ uống tăng 0,4% và Viễn thông tăng 0,4%.

Thanh khoản khớp lệnh HoSE đạt 11,2 nghìn tỷ đồng, giảm 1,2% so với phiên trước. Khối ngoại bán ròng 78,7 tỷ đồng. Ở chiều bán ròng, TCB dẫn đầu với 86,0 tỷ đồng, tiếp theo là MSB (71,6 tỷ đồng), VNM (47,0 tỷ đồng), PNJ (41,0 tỷ đồng) và STB (36,3 tỷ đồng). Ở chiều mua ròng, dòng vốn tập trung tại SBT (160,1 tỷ đồng), VHM (61,4 tỷ đồng), HDB (61,0 tỷ đồng), PLX (51,3 tỷ đồng) và MSN (50,3 tỷ đồng).

Chúng tôi khuyến nghị: 1) **Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng cổ phiếu cao:** Nhà đầu tư nên tiếp tục ưu tiên quản trị rủi ro, rà soát các cổ phiếu suy yếu và hạn chế sử dụng đòn bẩy khi áp lực bán gia tăng về cuối phiên. Nhà đầu tư có thể theo dõi phản ứng của VN-Index quanh vùng 1.760–1.770 điểm và cân nhắc giảm tỷ trọng nếu chỉ số đánh mất vùng hỗ trợ này; 2) **Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt cao:** Nhà đầu tư chưa nên vội gia tăng tỷ trọng và nên chờ chỉ số hình thành trạng thái cân bằng rõ hơn quanh vùng hỗ trợ. Việc giải ngân thăm dò có thể được cân nhắc khi độ rộng thị trường cải thiện và lực cầu quay trở lại, ưu tiên các cổ phiếu duy trì diễn biến giá tích cực.

Hình 2: DIỄN BIẾN NGÀNH

Ngành	Tỷ trọng	P/E	P/B	1D	1M	Thay đổi (%)	YTD	1Y
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	5,0	25,7	3,2	-0,5	-3,0	-16,1	-6,0	-23,1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	7,0	19,3	4,9	0,4	-3,1	-12,7	-8,3	37,1
Năng lượng	2,8	10,0	1,9	0,5	12,8	67,0	67,4	9,1
Tài chính	36,7	10,8	1,5	-0,6	-4,1	-3,2	-8,0	26,1
Chăm sóc sức khỏe	0,4	14,1	2,5	0,9	-1,9	-11,5	-5,7	157,1
Công nghiệp	6,4	23,9	3,1	-1,0	-0,6	-13,8	-7,1	13,1
Công nghệ thông tin	1,6	11,8	2,8	-0,5	-5,1	-25,1	-24,2	3,1
Vật liệu xây dựng	5,3	13,3	1,5	-0,9	-3,7	-1,2	-7,3	-20,1
Bất động sản	30,7	56,5	7,1	-2,3	-7,1	18,5	109,1	90,1
Dịch vụ tiện ích	4,0	13,6	2,3	-0,1	-2,1	8,6	21,1	123,1

Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Toàn cầu:** Giá Brent giảm 1,1% xuống 96,92 USD/thùng khi xuất khẩu dầu vùng Vịnh phục hồi và tồn kho dầu thô Mỹ bất ngờ tăng.
- **Fed:** Dữ liệu lạm phát thấp hơn dự kiến làm giảm khả năng Fed tăng lãi suất ngay trong tháng 10, khi PCE tháng 8 tăng 3,4% svck, thấp hơn dự báo 3,7%; thị trường hiện định giá khoảng 38% khả năng tăng 25 điểm cơ bản trong tháng 10, từ gần 71% một tuần trước. Goldman Sachs lùi dự báo đợt tăng tiếp theo sang tháng 12, trong khi Chủ tịch Fed Minneapolis Neel Kashkari vẫn cho rằng lạm phát còn quá cao và Fed có thể cần tiếp tục thắt chặt.
- **Mỹ:** GDP Q2/26 được điều chỉnh mạnh lên 2,2% theo năm, từ 1,5% trước đó, nhờ tiêu dùng hộ gia đình tăng 3,8% và đầu tư doanh nghiệp liên quan hạ tầng AI tiếp tục tích cực. Tuy nhiên, thâm hụt thương mại hàng hóa tháng 8 tăng 11,5% lên 132,6 tỷ USD do nhập khẩu tăng 5,5%, cho thấy thương mại có thể tiếp tục kéo giảm tăng trưởng Q3. Bộ Tài chính Mỹ đang mua lại ít TPCP dài hạn hơn kỳ vọng dù đã nâng hạn mức mỗi đợt từ 2 tỷ USD lên 6 tỷ USD; các phiên gần đây chỉ chấp nhận khoảng một nửa lượng trái phiếu được chào bán và đều thấp hơn trần mua lại. Chương trình chủ yếu nhằm cải thiện thanh khoản ở các mã trái phiếu cũ hơn, thay vì trực tiếp kiểm soát lợi suất.
- **BoJ:** Biên bản cuộc họp tháng 9 cho thấy phần lớn thành viên ủng hộ tiếp tục tăng lãi suất sau khi nâng lên 1,25%, trong đó một số cho rằng cần tăng nhanh hơn nếu áp lực giá tiếp tục vượt dự báo. Tuy nhiên, tiêu dùng yếu và lạm phát dịch vụ còn hạn chế khiến khả năng tăng tiếp ngay trong tháng 10 chưa chắc chắn.
- **Nhật Bản:** PMI sản xuất tháng 9 giảm từ 54,9 xuống 54,1 điểm, thấp nhất 6 tháng nhưng vẫn là tháng mở rộng thứ chín liên tiếp. Khảo sát Tankan cho thấy tâm lý các nhà sản xuất lớn tăng lên +24, cao nhất từ 2018, trong khi khu vực phi sản xuất giảm từ +37 xuống +35, phản ánh sự phân hóa giữa xuất khẩu công nghệ mạnh và nhu cầu nội địa còn thận trọng.
- **ECB:** ECB cho biết quyết định tăng lãi suất tiếp theo sẽ phụ thuộc chủ yếu vào kỳ vọng lạm phát, sức cầu và tác động từ mặt bằng lợi suất toàn cầu. Dù ECB đã tăng lãi suất hai lần trong năm và thị trường định giá tối đa bốn lần tăng thêm trong 12 tháng tới, kỳ vọng lạm phát dài hạn vẫn quanh 2%, cho phép ECB duy trì cách tiếp cận thận trọng hơn nếu tăng trưởng suy yếu.

Tin vĩ mô trong nước

- Chính phủ kéo dài đến 31/12/2026 các chính sách ưu đãi thuế đối với xăng dầu, gồm đưa thuế nhập khẩu ưu đãi của nhiều mặt hàng xăng, diesel, nhiên liệu bay và nguyên liệu pha chế về 0%, đồng thời tiếp tục áp dụng mức 0 đồng/lít thuế bảo vệ môi trường đối với các mặt hàng thuộc diện hỗ trợ. Chính sách có hiệu lực từ 1/10, nhằm ổn định giá năng lượng, kiểm soát lạm phát và hỗ trợ sản xuất kinh doanh.
- Giải ngân đầu tư công đến 24/9 đạt 567,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 55,5% kế hoạch Thủ tướng giao, tăng thêm 27,2 nghìn tỷ đồng chỉ trong một tuần. Tuy nhiên, tiến độ vẫn phân hóa khi 25 bộ, cơ quan trung ương và 14 địa phương giải ngân thấp hơn mức bình quân cả nước, cho thấy áp lực tăng tốc vẫn lớn trong Q4/26.
- Dự thảo sửa đổi Luật Đầu tư đề xuất nói lỏng theo lộ trình các điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài, giảm phân biệt đối xử và khắc phục hạn chế của danh mục ngành nghề hạn chế tiếp cận. Dự thảo đồng thời bổ sung hỗ trợ cho chuỗi cung ứng, sản xuất và công nghệ, qua đó hướng tới cải thiện môi trường FDI và hỗ trợ tiến trình nâng hạng thị trường chứng khoán.
- Việt Nam tiếp tục đặt mục tiêu đáp ứng tiêu chí nâng hạng của MSCI và tiến tới nhóm thị trường mới nổi bậc cao của FTSE, sau khi đã được FTSE Russell nâng lên thị trường mới nổi thứ cấp. Trọng tâm cải cách gồm hoàn thiện khung pháp lý, hiện đại hóa hạ tầng, tăng minh bạch, đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng khả năng tiếp cận của nhà đầu tư quốc tế.

- Việt Nam và Singapore tăng kết nối thị trường vốn, trong đó VNX và SGX ký biên bản ghi nhớ phát triển chứng chỉ lưu ký (DR) nhằm tạo thêm kênh huy động vốn quốc tế cho doanh nghiệp Việt Nam và mở rộng cơ sở nhà đầu tư. Hai bên cũng trao đổi về khuôn khổ quản lý tài sản mã hóa; toàn bộ cổ phiếu niêm yết trên HNX dự kiến chuyển sang HOSE từ 28/12/2026.
- Việt Nam thúc đẩy huy động vốn từ AIIB cho các dự án hạ tầng và hỗ trợ ngân sách, đồng thời rà soát các khoản vay cho Metro số 2 và nâng cấp lưới điện EVNNPT. Bộ Tài chính cũng tìm hiểu gói hỗ trợ ngân sách giải ngân nhanh quy mô 10 tỷ USD của AIIB và dự kiến đàm phán khoản vay đồng tài trợ với KfW và CDP trong tháng 10/2026, qua đó mở rộng nguồn vốn đa phương cho đầu tư phát triển.

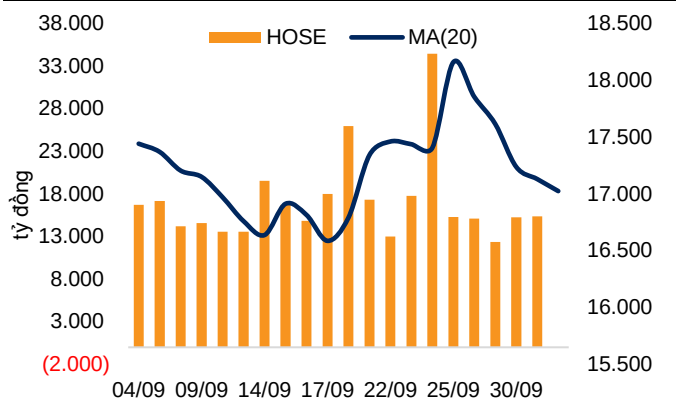
Tin ngành và doanh nghiệp

- MSR:** Elmet đã hoàn tất mua 4,99% vốn MSR với giá trị gần 3,24 nghìn tỷ đồng, tương ứng định giá vốn chủ sở hữu khoảng 2,5 tỷ USD; Masan vẫn kiểm soát khoảng 87,46%. MSR đồng thời dự kiến tạm ứng thêm 5.000 đồng/cp cổ tức tiền mặt, tương đương khoảng 5,5 nghìn tỷ đồng, đưa tổng cổ tức 2026 dự kiến lên 6.000 đồng/cp.
- PC1:** PC1 dự kiến thoái toàn bộ 40% vốn tại CTCP Tân Thanh, tương đương 1,2 triệu cp, trong Q3-Q4/26. Đây là thương vụ thoái vốn thứ hai trong năm sau khi công ty bán toàn bộ 49% tại CT2, tiếp tục tái cơ cấu danh mục để tập trung vào năng lượng, xây lắp điện và bất động sản.
- TLG:** Kokuyo sẽ rót thêm 28 tỷ Yên, tương đương khoảng 4,46 nghìn tỷ đồng, vào pháp nhân tại Singapore để thực hiện thương vụ mua cổ phần chi phối Thiên Long. Theo kế hoạch, Kokuyo sẽ mua 46,8% từ Thiên Long An Thịnh và chào mua công khai thêm 18,19%, nâng sở hữu tại TLG lên tối đa 65%.
- PTB:** Phú Tài được chấp thuận đầu tư KCN Khu kinh tế cửa khẩu Lê Thanh quy mô gần 218 ha, tổng vốn 2,25 nghìn tỷ đồng, trong đó vốn góp của PTB khoảng 337 tỷ đồng, tương đương 15%. Dự án dự kiến khởi công từ Q2/27 và vận hành trong Q1/32, đánh dấu bước mở rộng của PTB sang lĩnh vực hạ tầng khu công nghiệp.
- F88:** Hơn 11 triệu cp F88 từ đợt chào bán ra công chúng đã giao dịch trên UPCoM, giúp doanh nghiệp huy động gần 782 tỷ đồng và nâng vốn điều lệ lên 2,31 nghìn tỷ đồng. F88 cũng huy động khoảng 1,3 nghìn tỷ đồng vốn vay quốc tế và kỳ vọng LNTT 2026 đạt 1,5 nghìn tỷ đồng (+65% svck), cao hơn khoảng 32% kế hoạch năm.
- BSR:** BSR đã xuất bán thử nghiệm 40.000 lít White Spirit tại Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, mở thêm hướng tiêu thụ ngoài các sản phẩm lọc dầu truyền thống. Sản lượng cung ứng có thể tăng lên 40.000-500.000 lít/tháng tùy nhu cầu, giúp đa dạng hóa danh mục và tăng tính linh hoạt khi nhu cầu Jet A-1 biến động.

Lịch dữ liệu vĩ mô dự kiến trong tuần

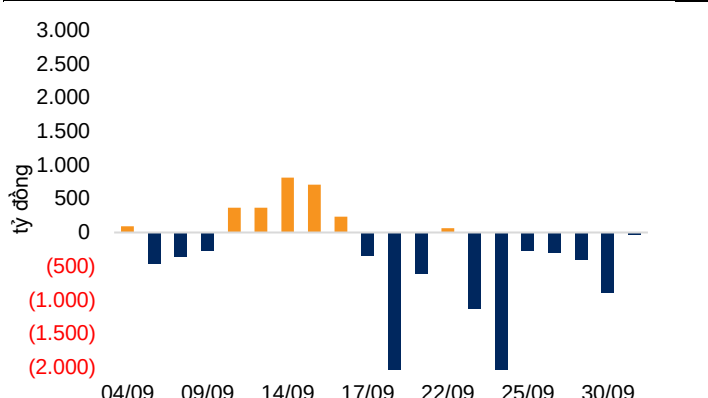
Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Ba, 29/09/2026	Mỹ	Niềm tin người tiêu dùng tháng 9.2026
Thứ Tư, 30/09/2026	Mỹ	Chỉ số chi tiêu tiêu dùng cá nhân (PCE) tháng 8.2026
Thứ Sáu, 02/10/2026	Mỹ	Số liệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp tháng 9.2026
Thứ Bảy, 03/10/2026	Việt Nam	Các số liệu vĩ mô tháng 9 và quý 3.2026

Hình 3: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HOSE TRONG 20 PHIÊN



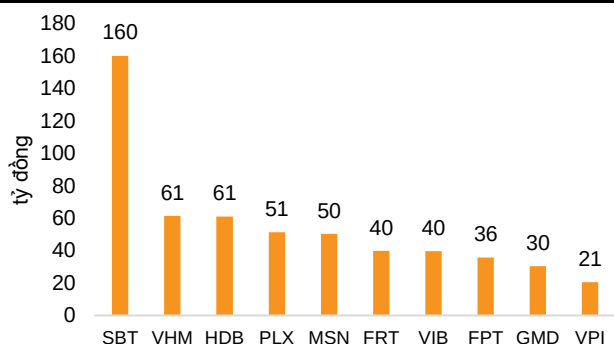
Nguồn: HoSE, VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: MUA/BÁN RÒNG KHỐI NGOẠI HOSE TRONG 20 PHIÊN



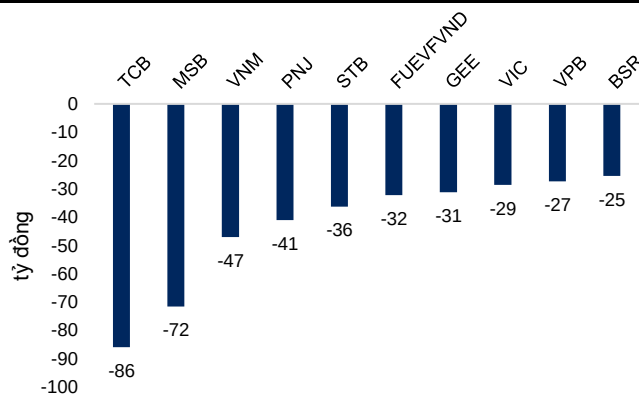
Nguồn: HoSE, VNDIRECT RESEARCH

Hình 5: TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY



Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY



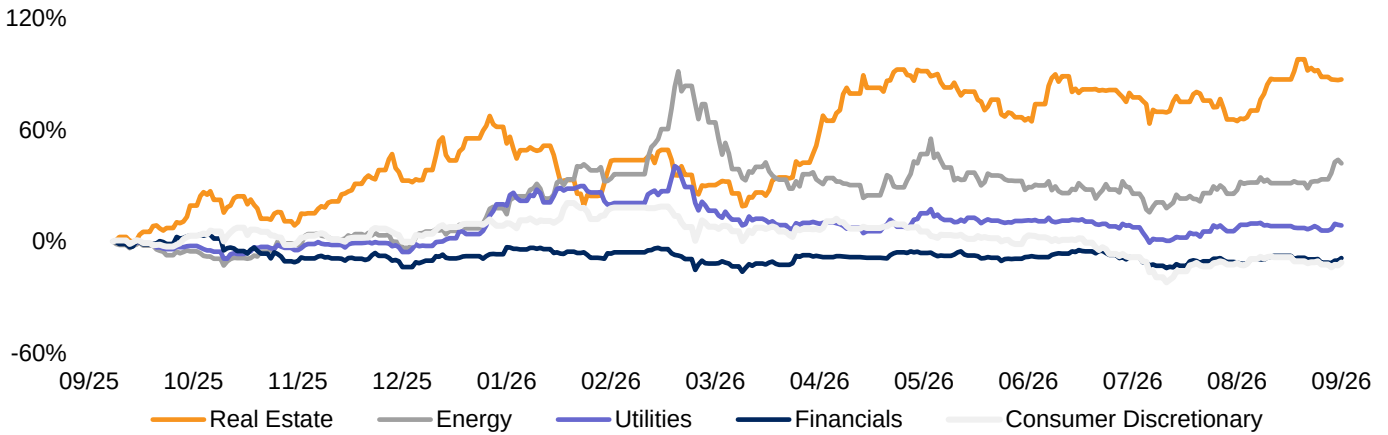
Nguồn: FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 7: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ TOÀN CẦU

Quốc gia	Chỉ số	1D (%)	YTD (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD TB 3T (triệu USD)	Lợi suất TPCP 5 năm	Vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá (% MoM)	Tỷ giá (% Svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	0,3%	-3,2%	16,7	1,5	8,8%	2,4%	149,750	1,4%	166.058	0,2%	6,2%
Ấn Độ	NSE500 Index	-1,8%	-9,2%	22,4	3,1	15,0%	1,3%	8,846	6,9%	-27.300	-1,3%	-7,8%
Indonesia	JCI Index	-1,0%	-30,5%	13,4	1,6	12,3%	3,9%	734	7,0%	-4.666	-1,2%	-7,5%
Singapore	FSTAS Index	-0,2%	19,3%	19,5	1,6	9,5%	3,9%	1,469	2,2%	1.265	-0,6%	0,6%
Malaysia	FBME Index	-1,1%	-1,2%	14,8	1,4	10,1%	4,0%	599	3,7%	-1.527	-1,2%	2,9%
Philippines	PCOMP Index	-0,7%	-9,1%	9,0	0,9	9,7%	4,1%	96	5,8%	-559	-0,6%	-7,4%
Thái Lan	SET Index	0,2%	24,0%	12,8	1,4	9,3%	4,4%	2,145	1,7%	814	-1,3%	-4,0%
Việt Nam	VN-Index	-1,1%	-2,0%	13,5	2,0	16,0%	2,0%	538	4,3%	-3.634	0,4%	1,7%

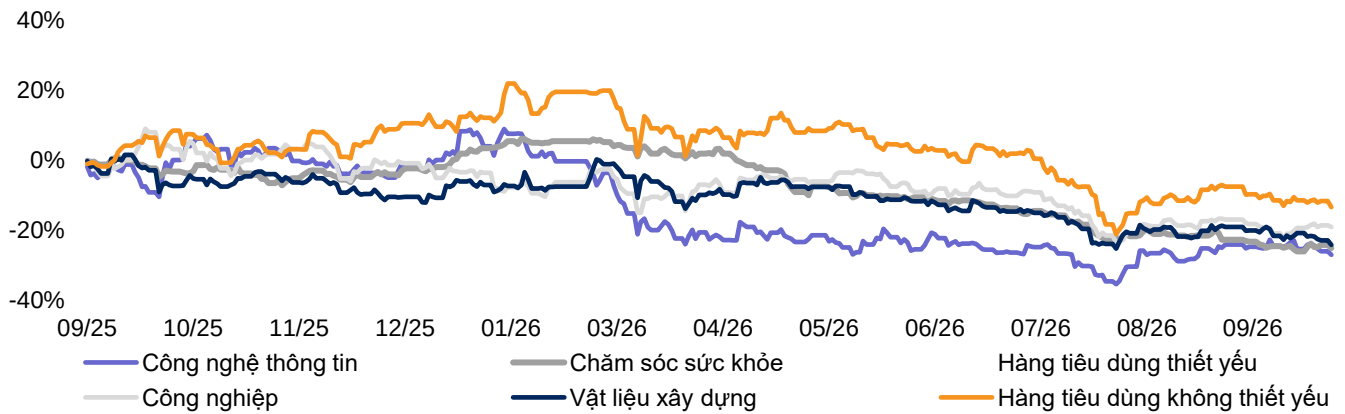
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN TRÊN)



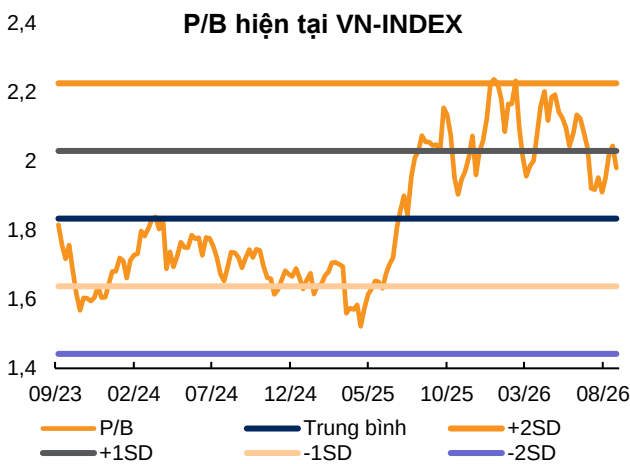
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 9: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN DƯỚI)



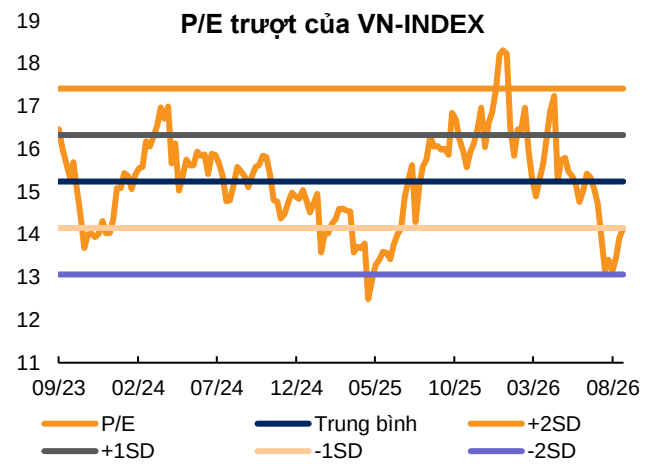
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 10: P/B HIỆN TẠI



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 11: P/E TRƯỢT



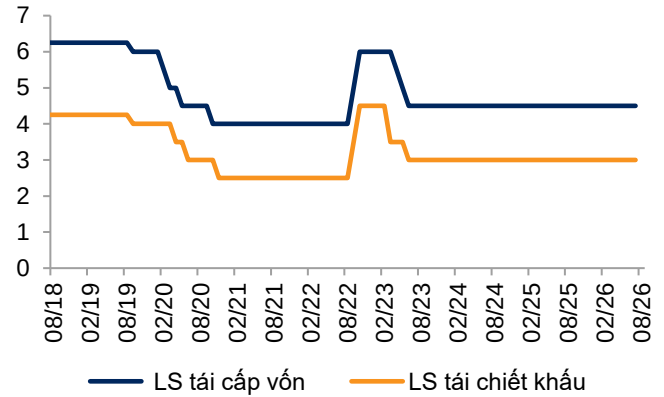
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	1D	1M	YTD	1Y
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4,29	0,0	-0,2	31,9	40,2
Lợi suất TPCP Việt Nam 10 năm (%/năm)	4,47	0,0	0,4	10,5	23,1
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	4,08	-45,1	-44,1	147,3	-8,3
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	5,79	-11,1	-13,3	-29,8	15,1
USD/VND	25.972	0,0	0,4	1,3	1,7
DXY	101,82	0,4	2,2	3,6	4,2
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	5,32	0,7	10,9	27,7	29,8
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	5,02	0,4	12,5	41,8	41,5

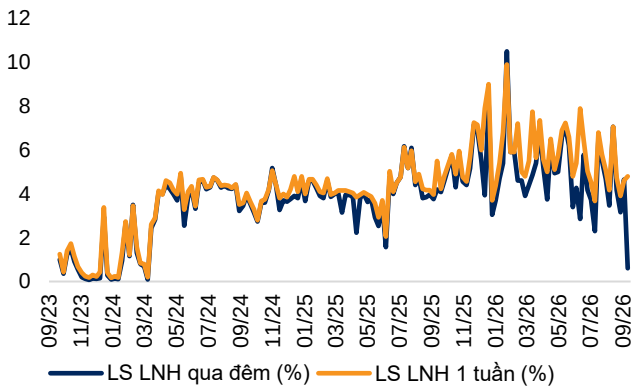
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 13: LÃI SUẤT CƠ BẢN NHNN VIỆT NAM



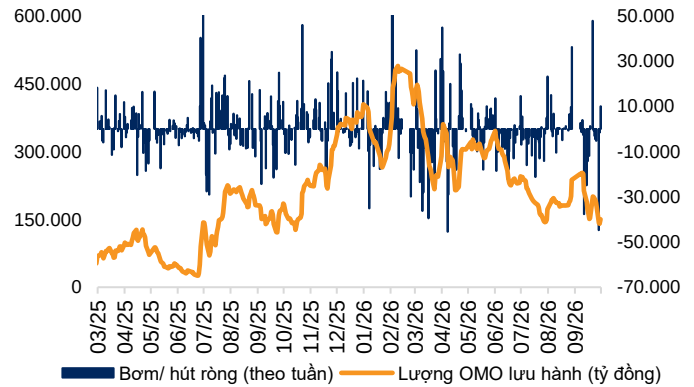
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



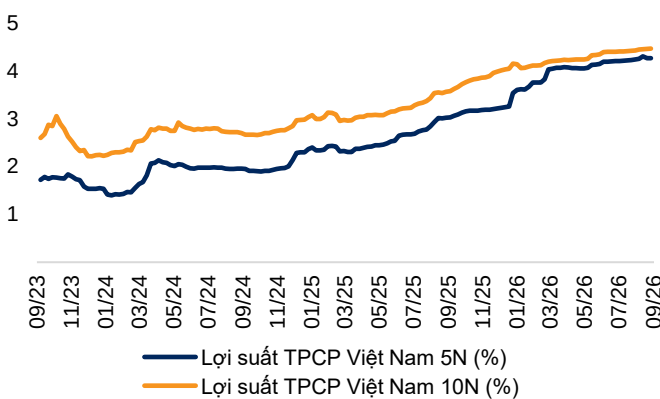
Nguồn: SBV. FIINPRO. VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: NHNN BƠM/HÚT QUA KÊNH OMO



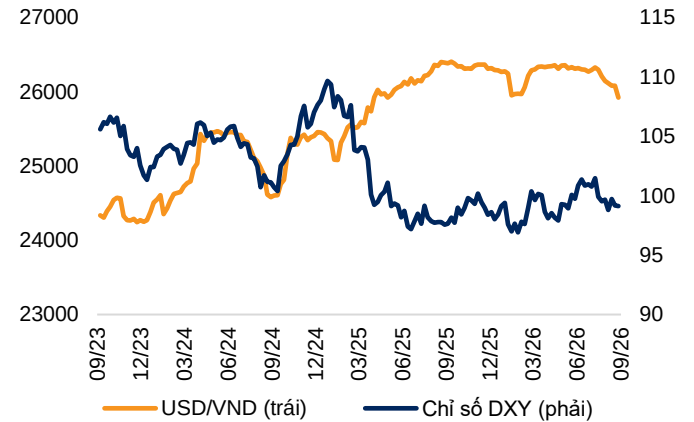
Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: TỶ GIÁ



Nguồn: BLOOMBERG. VNDIRECT RESEARCH

Hình 19: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	2,4%	2,6%	49,9%
Brent Crude	2,5%	6,1%	53,7%
JKM LNG	2,1%	4,6%	147,1%
Henry Hub LNG	6,0%	6,3%	132,2%
NW Thermal Coal	-5,0%	6,7%	-3,2%
Singapore Platt FO	-0,8%	10,8%	60,5%

Kim loại quý	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vàng	0,0%	-4,7%	7,5%
Vàng SJC trong nước			
Bạc	0,2%	-6,1%	27,3%
Bạch kim	-0,4%	-4,0%	8,0%

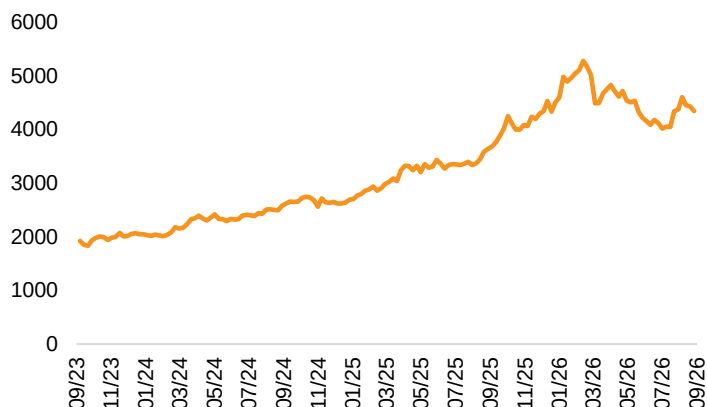
Kim loại cơ bản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Vonfram	0,0%	-6,4%	391,6%
Đồng	-1,4%	0,3%	33,7%
Nhôm	-1,5%	-2,1%	18,4%
Niken	-0,2%	-5,6%	4,6%
Kẽm	-0,2%	0,5%	20,8%
Chì	NA	NA	NA
Thép	0,0%	4,2%	-1,2%
Quặng sắt	0,6%	-5,4%	-11,5%

Nông sản	1 ngày	1 tháng	1 năm
Gạo	-0,2%	5,3%	45,7%
Arabica	-1,2%	-16,1%	-25,2%
Đường	1,8%	3,2%	17,4%
Cacao	-1,5%	-19,3%	-20,8%
Dầu cọ	-1,3%	-10,3%	NA
Bông	-0,5%	-18,4%	18,1%
Sữa bột	-0,3%	-10,6%	-15,1%
Lúa mì	0,6%	-11,0%	33,5%
Đậu tương	-0,2%	-1,2%	27,4%
Hạt điều	NA	0,0%	10,0%
Cao su	-0,2%	-3,6%	46,3%
Urê	10,0%	17,4%	9,0%

Chăn nuôi	1 ngày	1 tháng	1 năm
Heo hơi	-0,8%	-5,9%	-21,2%
Gia súc	0,7%	-0,9%	-5,7%

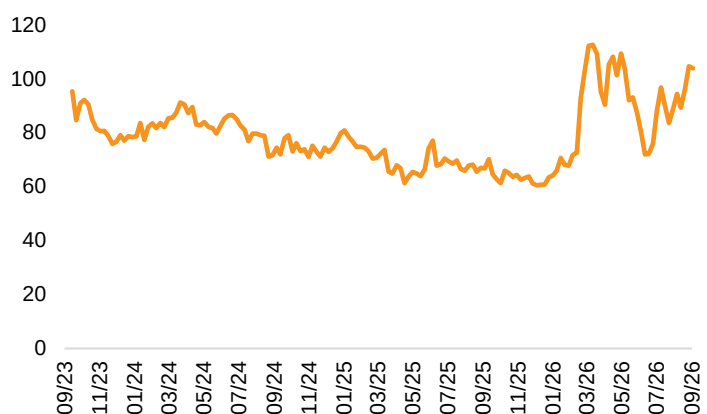
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: GIÁ VÀNG



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: GIÁ DẦU BRENT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 18: GIÁ QUẶNG SẮT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Danh mục cổ phiếu theo dõi của VNDIRECT RESEARCH

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	5.407	0,7	2.558	39.200	64.700	64,2%	1,4%	12,6	1,9	16%
AST	126	0,0	3	60.500	84.500	38,2%	1,4%	11,0	4,5	48%
HVN	2.486	0,9	538	20.750	43.400	104,8%	3,0%	14,2	6,8	
VJC	3.838	5,6	915	129.600	113.600	-10,4%	0,6%	45,2	3,8	9%
Bán lẻ										
BAF	438	2,0	201	31.200	40.100	35,0%		114,4	2,6	3%
DGW	389	2,3	86	45.200	49.600	42,7%	2,2%	11,9	2,7	25%
FRT	1.009	2,5	162	146.600	150.300	37,9%	0,2%	23,1	5,5	30%
MCH	6.992	2,4	5.871	138.900	165.000	21,3%	1,4%	25,7	9,6	39%
MWG	4.125	9,8	-2	72.600	102.000	42,7%	1,4%	10,8	3,0	30%
PNJ	488	9,2	12	24.750	N/A	N/A	2,7%	5,2	0,9	18%
QNS	733	0,4	299	51.800	53.400	13,1%	1,9%	8,4	1,5	19%
SAB	2.138	1,1	880	43.300	54.600	25,4%	6,9%	12,0	2,8	23%
VHC	402	0,6	332	49.900	72.400	36,6%	4,0%	7,6	1,1	15%
VNM	4.716	8,5	2.366	58.600	71.900	20,4%	3,2%	12,4	3,8	31%
Tài chính										
ACB	4.716	9,6	305	21.100	31.300	41,9%	2,9%	7,8	1,2	17%
BID	10.617	5,5	1.327	35.450	47.200	32,4%	1,2%	8,3	2,9	16%
CTG	8.987	9,6	495	30.050	40.200	70,2%	1,5%	5,8	1,2	22%
HDB	5.396	11,4	277	28.000	39.500	54,7%	2,3%	7,0	1,6	26%
LPB	4.831	5,2	169	42.000	33.400	-31,7%	7,1%	11,1	2,9	27%
MBB	7.579	10,8	79	19.550	32.900	51,5%	4,2%	6,3	1,3	22%
STB	5.103	9,7	986	70.300	73.000	-35,7%	0,9%	21,6	2,1	5%
TCB	9.004	18,6	164	33.000	39.200	40,2%	2,1%	8,6	1,3	16%
TPB	1.538	5,0	126	14.400	21.700	33,9%	3,5%	5,3	0,9	18%
VCB	18.532	10,2	1.863	57.600	67.100	29,2%	0,8%	11,6	1,9	18%
VIB	1.923	3,4	28	13.400	14.600	10,2%	6,1%	6,7	1,0	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.972	17,8	668	23.300	37.100	50,4%	1,7%	7,8	1,3	18%
Dệt may										
MSH	130	0,1	58	29.900	40.600	34,2%	3,3%	5,4	1,7	31%
TCM	70	0,6	1	15.450	20.000	20,8%	3,1%	9,2	0,8	8%
Khu công nghiệp										
BCM	1.574	1,1	530	39.500	68.400	81,5%	2,8%	21,6	1,9	9%
GMD	1.289	3,6	130	78.500	95.700	3,1%	2,8%	13,9	2,4	19%
HAH	373	1,4	89	51.500	55.400	27,6%	3,9%	7,4	1,9	27%
VSC	190	4,8	89	13.150	19.100	37,5%	3,8%	14,3	0,9	7%
IDC	540	1,5	186	33.600	58.000	44,5%	4,1%	6,5	2,1	35%
KBC	921	1,4	392	25.400	35.700	9,5%	1,5%	20,9	1,0	5%
PHR	318	0,8		33.850	68.400	22,4%	2,3%	8,8	1,8	22%
VTP	416	1,2	188	53.200	77.900	60,6%	1,3%	33,8	4,7	15%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	518	1,2	237	35.400	128.300	246,0%	22,6%	6,7	0,9	13%
HPG	6.518	17,2	1.784	20.050	33.300	53,5%	2,3%	7,3	1,2	17%
Dầu khí										
BSR	6.044	11,4	2.864	31.350	16.700	-27,2%	1,0%	7,9	2,1	30%
GAS	7.619	4,6	3.570	82.000	91.800	20,4%	3,0%	15,6	2,9	18%
OIL	534	1,1	34	13.400	14.800	13,2%	1,9%	39,1	1,3	3%
PLX	1.826	5,1	106	36.650	47.700	46,4%	3,3%	15,2	1,8	9%
PVD	656	3,4	275	18.350	23.000	37,8%	13,6%	17,5	1,0	5%
PVS	803	4,3	266	34.000	48.200	40,5%	1,6%	9,9	1,3	11%
PVT	473	4,0	157	23.750	24.200	44,0%	0,9%	8,6	1,3	15%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	586	2,8	273	22.400	22.700	6,6%	6,7%	8,9	1,3	14%
DCM	687	3,3	296	33.700	49.800	41,4%	5,9%	7,7	1,6	21%
DDV	90	0,2		16.000	38.700	119,0%	10,6%	3,7	1,0	31%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	58	0,1		18.700	34.100	88,0%	2,7%	9,3	1,1	12%
Điện										
POW	1.524	9,9	775	14.550	14.400	0,1%	1,1%	17,6	1,2	7%
Điện và BĐS										
HDG	239	0,9	82	15.250	27.500	69,8%	3,0%	6,6	0,9	14%
PC1	320	0,0	133	20.200	30.800	43,3%	0,0%	8,2	1,2	16%
REE	1.149	0,8	0	47.900	66.600	41,1%	1,8%	11,3	1,4	13%
Bất động sản										
DXG	498	4,3	171	10.200	20.500	92,4%	19,6%	64,4	0,9	1%
KDH	445	3,2	118	15.150	35.700	104,0%	2,0%	10,4	0,9	9%
NLG	408	1,8	57	21.850	38.000	95,9%	2,3%	17,7	0,8	5%
VHM	21.635	24,6	9.425	68.400	80.200	3,3%	4,4%	7,1	2,1	33%
VRE	2.113	5,1	797	24.150	34.000	39,9%	4,1%	7,6	1,1	15%
Công nghệ										
FPT	4.553	17,5	937	62.700	186.000	41,7%	1,4%	11,8	2,9	27%
Xây dựng										
HHV	189	1,0	169	8.950	14.700	46,3%	0,0%	10,0	0,5	4,8%
Tài chính thay thế										
F88	445	0,4	340	50.000	93.100	24,3%	0,0%	14,9	4,5	39%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết. Thông tin trên báo cáo được công bố của công ty. Thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT. người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

Hội sở

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA

